VIETNAM 1:50,000

TUY AN

MẮT

SHEET 6835 I
SERIES L7014

Scale Tỷ lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL – 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS – 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TRỢ: 10 MÉT

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM; ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY ..... ARO (L.S), U.S. ARMY, 1965
NAMED BY ..... RGS, VIETNAM
CONTROL BY ..... 20TH ENGR BN, RGS, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM ..... NAVOCEANO CHARTS

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH CHÁNH TRÊN BẢN ĐỒ MANG TÍNH CHẤT PHỎNG ĐỊNH VỚI TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ

GLOSSARY — CỔ TỰ

Ap	village
Bum	hill
Cu Lao	island
Đồng	region, field
Hòn	island
Lao	island
Núi	mountain
Rạnh	point
Sông	stream
Tranh	partial valley station
Vũng	bay
Xóm	village

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH ADD 0-4 MILS
MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG CỘNG THÊM GÓC 0-4

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH SUBTRACT 0-4 MILS
MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GIÁC TỪ TRỪ GÓC 0-4

ELEVATION GUIDE
CẨM ĐỒ CAO ĐỘ

BOUNDARIES
RANH GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG GHÉP CẬN ĐỒ

IN TẠI XƯỞNG IN CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM THÁNG 2 NĂM 1979

TUY AN (PHÚ TÂN), VIETNAM